TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN BÌNH SƠN** **TỈNH QUẢNG NGÃI**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **01**/2020/HNGĐ-ST
Ngày 03/3/2020
V/v: Ly hôn, tranh chấp về nuôi con, nghĩa vụ trả nợ chung

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BÌNH SƠN, TỈNH QUẢNG NGÃI

- ***Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: **Ông Đoàn Kiều Trung**

Các hội thẩm nhân dân: **1. Bà Phạm Thị Lan**

2. Ông Bùi Quốc Thìn

- *Thư ký phiên tòa:* **Ông Trương Quang Bình** - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Bình Sơn.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân nhân huyện Bình Sơn tham gia phiên tòa:* **Bà Huỳnh Thị Triều** - Kiểm sát viên.

Ngày 03 tháng 3 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Bình Sơn, tỉnh Quảng Ngãi xét xử công khai vụ án dân sự sơ thẩm thụ lý số 11/2019/TLST - HNGĐ ngày 12 tháng 12 năm 2019, về việc: *"Ly hôn, tranh chấp về nuôi con, nghĩa vụ trả nợ chung"*, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 10/2020/QĐXXST-HNGĐ, ngày 21 tháng 02 năm 2020 , giữa:

***1. Nguyên đơn*: Chị Đặng Thị H, sinh năm: 1985, có mặt;**

Trú tại: xóm H, thôn V, xã B, huyện S, tỉnh Quảng Ngãi.

***2. Bị đơn:* Anh Trần Thanh B, sinh năm 1986, có mặt;**

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: xóm X, xã H, huyện T, tỉnh Thanh Hóa.

Chỗ ở hiện nay: xóm H, thôn V, xã B, huyện S, tỉnh Quảng Ngãi.

***3. Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:* Ngân hàng C**

Địa chỉ: Số X phố L, phường H, quận T, Thành phố Hà Nội.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Dương Quyết Th - Chức vụ: Tổng giám đốc.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Nguyễn Văn M - Chức vụ: Giám đốc Ngân hàng C, Phòng giao dịch huyện B theo Quyết định số 4716/QĐ - NHCS, ngày 25/11/2016 của Tổng giám đốc Ngân hàng C, về việc ủy quyền tham gia tố tụng.

Ông Nguyễn Văn M ủy quyền tham gia tố tụng lại cho bà Huỳnh Thị Pha L. Chức vụ: Phó giám đốc Ngân hàng C huyện B. Bà L đề nghị xét xử vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, lời trình bày tại bản tự khai, biên bản hòa giải và tại phiên tòa hôm nay, nguyên đơn trình bày như sau:

Về quan hệ hôn nhân: Chị và Anh Trần Thanh B tự nguyện tìm hiểu và đi đến hôn nhân, có đăng ký kết hôn tại UBND xã B, huyện S, tỉnh Quảng Ngãi vào ngày 14/12/2011 theo giấy chứng nhận kết hôn số 102/2011.

Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống hạnh phúc và sinh được một con chung. Tuy nhiên thời gian gần đây, giữa vợ chồng phát sinh nhiều mâu thuẫn. Nguyên nhân là giữa vợ chồng bất đồng quan điểm sống, vợ chồng không còn tin tưởng nhau, anh B có quan hệ ngoại tình với người phụ nữ khác, anh không có lập trường, mỗi lần nghe thông tin gì về chị là anh ghen tuông, những việc gia đình anh đều cho mọi người biết, không tôn trọng chị. Mâu thuẫn giữa vợ chồng xảy ra có nhiều nguyên nhân và chị thấy rằng không thể duy trì quan hệ hôn nhân với anh được nữa. Vì vậy, nay chị khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với Anh Trần Thanh B.

Về con chung: Trong thời gian chung sống, giữa vợ chồng có một con chung tên Trần Đặng Hà M, sinh ngày 24/9/2012, thời gian trước đây thì con chung ở cùng vợ chồng nhưng hiện nay, anh B đã đưa cháu đến sống cùng anh tại quán cafe do vợ chồng xây dựng. Khi ly hôn, chị yêu cầu được quyền trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng con chung, anh B có nghĩa vụ giao lại cho con chung chị nuôi dưỡng, chị không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Trong thời gian chung sống, giữa vợ chồng có tài sản chung nhưng chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Vào tháng 6 năm 2019, vợ chồng có vay tại Ngân hàng C, chi nhánh Quảng Ngãi, phòng giao dịch B, số tiền vay là 50.000.000 đồng, mục đích là chăn nuôi bò, thời hạn vay là 05 năm. Từ ngày vay đến nay, chị đã trả được một phần nợ gốc và lãi. Số tiền nợ gốc còn lại là 48.000.000 đồng và lãi phát sinh. Sau khi ly hôn, chị yêu cầu nhận tiếp tục thực hiện nghĩa vụ trả toàn bộ khoản nợ nay cho Ngân hàng.

Ngoài ra, nguyên đơn không yêu cầu Tòa án giải quyết gì thêm.

Tại bản tự khai, biên bản hòa giải và tại phiên tòa hôm nay, bị đơn trình bày như sau:

Về quan hệ hôn nhân: Anh thống nhất như lời trình bày của chị H về việc anh chị có tự nguyện tìm hiểu trước hôn nhân, việc đăng ký kết hôn, có một con chung, hiện nay anh đang chăm sóc con chung.

Nguyên nhân phát sinh mâu thuẫn giữa vợ chồng là do chị H có quan hệ ngoại tình với người khác. Việc chị H có quan hệ ngoại tình diễn ra trong thời gian anh đi lao động ở nước ngoài, anh có nghe người thân nói về việc này nhưng vì mong muốn vợ chồng tự dàn xếp để lo cho con nên anh bỏ qua. Tuy nhiên trong thời gian gần đây, chị H ngày càng công khai việc này, giữa vợ chồng không thể nói chuyện được với nhau, mâu thuẫn giữa vợ chồng đã xảy ra trầm trọng. Nay chị H khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn thì anh thấy rằng vợ chồng không cải thiện được tình trạng hôn nhân, không thể đoàn tụ sống chung nên anh đồng ý ly hôn.

Về con chung: Khi ly hôn, chị H yêu cầu nhận nuôi con chung thì anh không đồng ý, anh yêu cầu được tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng con chung, anh không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Anh chị tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về quan hệ nợ chung: Giữa anh chị có có vay tiền tại Ngân hàng C, Phòng giao dịch B, hiện nay còn nợ với số tiền như chị H trình bày là đúng. Sau khi ly hôn, chị H nhận trách nhiệm tiếp tục thực hiện nghĩa vụ trả khoản vay này cho Ngân hàng thì anh đồng ý.

Ngoài ra, bị đơn không yêu cầu Tòa án giải quyết vấn đề gì khác.

Tại văn bản phúc đáp Thông báo về việc thụ lý vụ án, Ngân hàng C trình bày ý kiến của mình như sau:

Về khoản tiền vay: Vào ngày 18/6/2019, Chị Đặng Thị H và Anh Trần Thanh B có vay tại Ngân hàng C, Phòng giao dịch B theo khoản vay có mã số 6600000715598119, với nội dung:

- Số tiền vay là 50.000.000 đồng;
- Mục đích vay: chăn nuôi bò;
- Thời hạn vay: 60 năm (đến hạn ngày 18/6/2024);
- Lãi suất: 9%/năm;
- Lịch trả lãi: định kỳ vào ngày 18 hàng tháng;

Quá trình thực hiện việc trả nợ: Từ ngày vay tiền đến nay, vợ chồng chị H, anh B thực hiện đầy đủ nghĩa vụ trả lãi hàng tháng như thỏa thuận. Tính đến ngày 09/01/2020, số tiền nợ gốc còn lại là 48.000.000 đồng và tiền lãi phát sinh là 264.000 đồng.

Nay giữa Chị Đặng Thị H và Trần Thanh B ly hôn, các bên thỏa thuận giao cho chị H tiếp tục thực hiện nghĩa vụ trả toàn bộ khoản nợ gốc còn lại và lãi phát sinh cho Ngân hàng khi đến hạn thì Ngân hàng đồng ý. Vì khoản vay nêu trên chưa đến hạn và khách hàng không vi phạm nghĩa vụ nên Ngân hàng không yêu cầu Tòa án giải buộc chị H, anh B có nghĩa vụ trả nợ khi ly hôn. Tuy nhiên, đề nghị Tòa án nghi nhận thỏa thuận của các bên về việc giao cho Chị Đặng Thị H tiếp tục thực hiện nghĩa vụ trả nợ lãi và nợ gốc đối với khoản vay nêu trên khi đến hạn.

Vì Ngân hàng không yêu cầu Tòa án giải quyết buộc khách hàng phải trả toàn bộ khoản nợ khi ly hôn nên Ngân hàng đề nghị được vắng mặt trong quá trình Tòa án giải quyết vụ án.

Ý kiến phát biểu của đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên tòa:

- Việc tuân thủ pháp luật tố tụng: Những người tiến hành tố tụng, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và các đương sự đã thực hiện đúng các quy định của pháp luật tố tụng dân sự.

- Về quan điểm giải quyết vụ án:

+ Về quan hệ hôn nhân: Xét thấy trong quá trình Tòa án tiến hành hòa giải và tại phiên tòa hôm nay, chị H và anh B đã thống nhất thuận tình ly hôn nên đề nghị Hội đồng xét xử ghi nhận việc thuận tình ly hôn giữa các bên.

+ Về con chung: Xét thấy con chung hiện còn nhỏ và con chung có nguyện vọng được ở với mẹ. Căn cứ vào khoản 2 Điều 81 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, đề nghị Hội đồng xét xử giao con chung cho Chị Đặng Thị H được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng.

+ Việc cấp dưỡng nuôi con: chị H không yêu cầu nên không xét.

+ Về tài sản chung: Các bên không yêu cầu nên không xét.

+ Về nghĩa vụ trả nợ chung: Xét thấy giữa chị H và anh B thống nhất về nợ chung, thỏa thuận giao cho chị H tiếp tục thực hiện nghĩa vụ trả nợ, Ngân hàng C đồng ý với thỏa thuận của các bên nên đề nghị Hội đồng xét xử ghi nhận sự thỏa thuận của các bên.

+ Án phí: Buộc Chị Đặng Thị H phải chịu án phí hôn nhân sơ thẩm và án phí đối với nghĩa vụ trả nợ chung theo quy định của pháp luật.

- Kiến nghị: Không.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về quan hệ hôn nhân: Hôn nhân giữa Chị Đặng Thị H và Anh Trần Thanh B là hợp pháp, có tự nguyện tìm hiểu trước khi kết hôn và đăng ký kết hôn tại UBND xã B, huyện S, tỉnh Quảng Ngãi vào ngày 14 tháng 12 năm 2011. Mâu thuẫn giữa vợ chồng phát sinh là do giữa vợ chồng không tin tưởng nhau, chị Hvà anh B đều cho rằng cả hai không chung thủy, có quan hệ ngoại tình với người khác. Trong quá trình Tòa án tiến hành hòa giải và tại phiên tòa hôm nay, chị Hvà anh B đều thừa nhận giữa anh chị xảy ra mâu thuẫn, vợ chồng không còn tình cảm, hôn nhân không có hạnh phúc nên anh chị thuận tình ly hôn.

Xét thấy dù Tòa đã tiến hành hòa giải khuyên các bên đoàn tụ nhưng quan hệ hôn nhân giữa chị Hvà anh B không còn khả năng đoàn tụ, vợ chồng không còn tin tưởng, tôn trọng nhau, vi phạm quy định về quyền và nghĩa vụ giữa vợ chồng làm cho hôn nhân lâm vào tình trạng mâu thuẫn trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích không đạt được. Căn cứ vào Điều 55 Luật hôn nhân gia đình năm 2014, việc thuận tình ly hôn giữa hai bên là hoàn toàn tự nguyện nên được Hội đồng xét xử ghi nhận.

[2] Về quan hệ con chung: Chị Đặng Thị H và Anh Trần Thanh B xác định giữa anh chị có một con chung tên là Trần Đặng Hà M, sinh ngày 24/9/2012, hiện nay anh chị cùng đang chăm sóc, nuôi dưỡng. Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa hôm nay, cả hai bên đều yêu cầu được quyền chăm sóc, nuôi dưỡng con chung.

Hội đồng xét xử thấy rằng mặc dù chị H và anh B đều có nguyện vọng được nhận nuôi con chung. Tuy nhiên, việc giao con chung cho vợ hoặc chồng nuôi phải đảm bảo quyền lợi mọi mặt của con cũng như xem xét nguyên vọng của con. Tại biên bản ghi nguyện vọng con chung, cháu Trần Đặng Hà M có nguyện vọng được ở với mẹ. Căn cứ vào khoản 2 Điều 81 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của chị Hiền, giao cháu Trần Đặng Hà M cho Chị Đặng Thị H được quyền trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục. Anh Trần Thanh B có nghĩa vụ giao lại con chung cho chị H chăm sóc, nuôi dưỡng.

[3] Việc cấp dưỡng nuôi con: chị H không yêu cầu nên không xét.

[4] Về quan hệ tài sản chung: Các bên không yêu cầu giải quyết nên không xét.

[4] Về quan hệ nợ chung: Xét thấy trong quá trình giải quyết vụ án, giữa chị Hiền, anh B và Ngân hàng C đã thống nhất về khoản vay, số tiền còn nợ và đồng ý giao cho chị H tiếp tục thực hiện nghĩa vụ trả nợ đối với khoản vay nêu trên khi đến hạn. Xét thấy việc các bên thỏa thuận giao cho chị H tiếp tục thực hiện nghĩa vụ đối với khoản nợ của Ngân hàng C là hoàn toàn tự nguyện, phù hợp với quy định của pháp luật nên được Hội đồng xét xử ghi nhận. Căn cứ vào các Điều 37, 59, 60 Luật hôn nhân và gia đình, giao cho Chị Đặng Thị H tiếp tục thực hiện nghĩa vụ trả nợ cho Ngân hàng C theo khoản vay có mã số 66000007155981l9, ngày 18/6/2019, số tiền phải trả là: nợ gốc 48.000.000 đồng, lãi tính đến ngày 09/01/2020 là 264.000 đồng và tiếp tục trả lãi phát sinh sau ngày 09/01/2020 theo mức lãi suất đã thỏa thuận tại khoản vay có mã số như trên.

[5] Đối với quan điểm giải quyết vụ án của đại diện Viện kiểm sát là phù hợp với nhận định nêu trên của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

[6] Án phí:

- Án phí hôn nhân sơ thẩm: Chị Đặng Thị H phải chịu 300.000 đồng *(ba trăm nghìn đồng)* nhưng được khấu trừ số tiền chị đã nộp tạm ứng án phí.

- Án phí đối với nghĩa vụ trả nợ: Tại phiên tòa, Chị Đặng Thị H tự nguyện chịu án phí đối với nghĩa vụ trả nợ cho Ngân hàng C nên được Hội đồng xét xử ghi nhân. Theo đó, Chị Đặng Thị H tự nguyện chịu án phí với số tiền là 2.413.200 đồng *(hai triệu, bốn trăm mười ba nghìn, hai trăm đồng)*.

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ các Điều 37, 51, Điều 55, Điều 57, Điều 58, Điều 59, Điều 60, Điều 81, Điều 82, Điều 83 và Điều 84 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

- Căn cứ các Điều 28, Điều 35, Điều 39, khoản 4 Điều 147, khoản 1 Điều 227, Điều 235, Điều 264, Điều 266, Điều 267, Điều 273 và Điều 280 Bộ luật tố tụng dân sự;

- Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của UBTVQH quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Ghi nhận thuận tình ly hôn giữa Chị Đặng Thị H và Anh Trần Thanh B.

2. Về quan hệ con chung: Buộc Anh Trần Thanh B có nghĩa vụ giao lại cháu Trần Đặng Hà M, sinh ngày 24 tháng 9 năm 2012 cho Chị Đặng Thị H trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục.

3. Việc cấp dưỡng nuôi con: Chị Đặng Thị H không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con được quyền thăm nom con chung không ai được quyền cản trở, nhưng không được lạm dụng quyền thăm nom con chung. Trong trường hợp người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

Việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con sau khi ly hôn được thực hiện theo quy định tại Điều 81, Điều 82, Điều 83 và Điều 84 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 và các quy định khác của pháp luật.

4. Về quan hệ tài sản chung: Các bên tự thỏa thuận, không yêu cầu nên không xét.

5. Về quan hệ nợ chung: Giao cho Chị Đặng Thị H tiếp tục thực hiện nghĩa vụ trả nợ cho Ngân hàng C theo khoản vay có mã số 6600000715598119, ngày 18/6/2019, số tiền phải trả là: nợ gốc 48.000.000 đồng, lãi tính đến ngày 09/01/2020 là 264.000 đồng và tiếp tục trả lãi phát sinh sau ngày 09/01/2020 theo mức lãi suất đã thỏa thuận tại khoản vay có mã số như trên.

6. Án phí: Chị Đặng Thị H phải chịu án phí hôn nhân sơ thẩm với số tiền là 300.000 đồng *(ba trăm nghìn đồng)* và tự nguyện chịu án phí đối với nghĩa vụ trả nợ chung với số tiền là 2.413.200 đồng *(hai triệu, bốn trăm mười ba nghìn, hai trăm đồng)*. Tổng cộng, Chị Đặng Thị H phải chịu án phí với số tiền là 2.713.200 đồng nhưng được khấu số tiền chị đã nộp tạm ứng theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2018/0000602, ngày 12/12/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Bình Sơn, còn lại Chị Đặng Thị H phải nộp số tiền là **2.413.200 đồng** *(hai triệu, bốn trăm mười ba nghìn, hai trăm đồng)*.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự năm 2008 sửa đổi, bổ sung năm 2014, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Án xử công khai có mặt nguyên đơn và bị đơn, vắng mặt người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan. Thời hạn kháng cáo 15 ngày kể từ ngày tuyên án (03/3/2020).

Riêng người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tống đạt hợp lệ.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Quảng Ngãi;
- VKSND, Chi cục THADS huyện Bình Sơn;
- UBND xã Bình Hải, huyện Bình Sơn *(Đăng ký kết hôn số 102, ngày 14/12/2011)*;
- Những người tham gia tố tụng;
- Lưu hồ sơ, án văn.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

(Đã ký)

Đoàn Kiều Trung

CÁC HỘI THẨM NHÂN DÂN **THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Bùi Quốc Thìn **Phạm Thị Lan** **Đoàn Kiều Trung**